

ẢNH HƯỞNG CỦA TẬP LUYỆN VÕ THUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN ĐỐI VỚI HÀNH VI TÂM LÝ XÃ HỘI VÀ THÀNH TÍCH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

Lã Trọng Nghĩa
Học viện An ninh Nhân dân

Tóm tắt: Võ thuật Công an Nhân dân là môn võ đúc kết từ kinh nghiệm thực tế chiến tranh, kế thừa tinh hoa dân tộc cùng với các tinh hoa võ thuật thế giới. Võ thuật Công an Nhân dân vừa là nghiệp vụ bắt buộc đối với sinh viên Học viện An ninh Nhân dân, cũng đồng thời là phương tiện rèn luyện hành vi tâm lý và học tập chuyên ngành. Thông qua nghiên cứu, xác định hiệu quả học, tập Võ thuật Công an Nhân dân gồm: 1) Hiệu quả phụ thuộc vào mức linh hoạt của chương trình đối với các trải nghiệm học tập về hành vi tâm lý xã hội của sinh viên; 2) Việc thực hành chánh niệm góp phần vào sự cân bằng cảm xúc, tác động tích cực đến khả năng phục hồi tinh thần và cần thiết cho thành công trong học tập; 3) Tăng kỷ luật và khả năng tự chủ tạo ra các hành vi tích cực; 4) Sinh viên có tính kỷ luật, trách nhiệm và cách tiếp cận chủ động hơn đối với các thách thức học tập. Bằng cách kết hợp thể lực với sự tập trung tinh thần và kỷ luật, Võ thuật Công an Nhân dân có thể góp phần tạo nên trải nghiệm giáo dục toàn diện, nuôi dưỡng không chỉ sự xuất sắc trong học tập mà còn cả sự phát triển cá nhân và phát triển tính cách cho sinh viên Ngành An ninh.

Từ khóa: Võ thuật Công an Nhân dân; sinh viên; hiệu quả; hành vi tâm lý xã hội; thành tích học tập.

THE IMPACT OF PRACTICING PEOPLE'S PUBLIC SECURITY FORCE MARTIAL ARTS ON SOCIO-PSYCHOLOGICAL BEHAVIOR AND ACADEMIC PERFORMANCE OF STUDENTS AT THE PEOPLE'S SECURITY ACADEMY

La Trong Nghia
People's Security Academy

Abstract: People's Public Security Martial Arts is a martial art that is a synthesis of real war experiences, inheriting the quintessence of the nation along with the quintessence of world martial arts. People's Public Security Martial Arts is both a compulsory subject for students of the People's Security Academy and a means of training psychological behavior and specialized learning. Through research, determining the effectiveness of learning and practicing People's Public Security Martial Arts includes: 1) The effectiveness depends on the flexibility of the program for students' psychosocial behavioral learning experiences; 2) The practice of mindfulness contributes to emotional balance, positively affects mental resilience and is necessary for academic success; 3) Increased discipline and self-control create positive behaviors; 4) Students have more discipline, responsibility and proactive approaches to learning challenges. By combining physical fitness with mental focus and discipline, People's Public Security Martial Arts can contribute to a comprehensive educational experience, nurturing not only academic excellence but also personal growth and character development for Security Industry students.

Keywords: People's Public Security Martial Arts; students; effectiveness; psychosocial behavior; academic achievement.

Nhận bài: 04/01/2025

Phản biện: 18/01/2025

Duyệt đăng: 21/01/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đưa giảng dạy Võ thuật Công an Nhân dân (VTCAND) là bắt buộc cũng là một phương tiện nghiệp vụ liên quan đến kỹ năng và giáo dục nghề nghiệp của sinh viên (SV) Học viện An ninh Nhân dân (HVANND). Học, tập VTCAND đóng vai trò là chất xúc tác cho sự phát triển năng lực nghiệp vụ cơ bản, đồng thời hỗ trợ và phát triển tâm lý xã hội tích cực, nuôi dưỡng các thuộc tính như động lực, lòng tự trọng, kỷ luật và quản lý căng thẳng.

Bản chất toàn diện của VTCAND đối với SV HVANND nhấn mạnh mối liên hệ giữa tinh thần và sức khỏe thể chất, ủng hộ phương pháp tiếp cận toàn diện đối với sự phát triển của SV theo hướng đặc thù chuyên ngành và vượt ra ngoài phạm vi học thuật truyền thống. Khi SV tham gia các buổi tập VTCAND, tác động sẽ lan tỏa đến nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống và tính cách của

SV, làm phong phú thêm hành trình cá nhân và học tập của họ trong bối cảnh giáo dục (GD) chuyên ngành An ninh. Do đó, cần nghiên cứu thêm để khám phá mối liên hệ giữa các hình thức, thời lượng và loại hoạt động thể chất khác nhau, đặc biệt là đối với VTCAND và thành tích học tập ở SV trong thời điểm đại học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu: Đối tượng khách thể nghiên cứu là SV học môn VTCAND trong chương trình đào tạo Đại học tại HVANND. Nghiên cứu tập trung đánh giá hiệu quả của học tập môn VTCAND bằng mô hình tám yếu tố liên quan đến các yếu tố tâm lý xã hội như lòng tự trọng, động lực, quản lý căng thẳng, kỷ luật và tương tác xã hội giữa các SV với hoạt động học tập VTCAND. Thành tích học tập sẽ được đánh giá

thông qua các biện pháp khách quan như trung bình có trọng số chung (GWA). Nghiên cứu sẽ được tiến hành vào học kỳ thứ I, năm học 2024-2025.

Phương pháp lấy mẫu: Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả của võ thuật bằng mô hình tám yếu tố từ SV học môn VTCAND tại HVANND. SV tham gia nghiên cứu được thông báo và tự nguyện tham gia nghiên cứu. Tổng số SV đồng ý tham gia được kiểm tra các chỉ số chức năng cơ bản, loại trừ các trường hợp đặc biệt xuất sắc và quá yếu kém, các trường hợp hạn chế năng lực vận động (sức khỏe yếu, khuyết tật, bệnh lý,...). Tổng số SV tham gia nghiên cứu cuối cùng và được phân tích là 379.

Phương tiện kiểm tra: Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng. Một bảng câu hỏi MAI đã được xác thực được điều chỉnh lấy từ nghiên cứu của Sandford Glenn (2020) sẽ được sử dụng để đánh giá hiệu quả của việc học tập VTCAND; các yếu tố hành vi tâm lý của SV trả lời bảng câu hỏi (nghiên cứu của Soojung Park 2022) cũng sẽ được sử dụng để đi sâu vào các yếu tố ảnh hưởng đến việc SV chơi xác định VTCAND liên quan đến nhận thức lối sống, hành vi tâm lý.

Phân tích số liệu: Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 22.0 ở mức ý nghĩa 0.05 làm phương tiện phân tích số liệu nghiên cứu. Các chỉ số mô tả chính gồm: 1) Tần suất và %; 2) Trung bình có trọng số; 3) Xếp hạng; 4) Độ lệch chuẩn; 5) Độ lệch chuẩn; 6) Tương quan Pearson (mối quan hệ giữa mức độ mà việc luyện tập võ thuật có thể ảnh hưởng đến cả hành vi tâm lý xã hội và kết quả học

tập). Phân tích các giả thuyết sẽ được thực hiện tại mức ý nghĩa $p=0.05$. Giả thuyết không sẽ được chấp nhận khi giá trị ý nghĩa tính toán lớn hơn giá trị đặt ở mức 0.05 (H_0). Nếu không, giả thuyết sẽ bị bác bỏ.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Bảng trình bày kết quả của phân tích so sánh về hiệu quả được đánh giá của mô hình tám yếu tố kiểm tra thành tích chuyên môn của VTCAND khi tổ hợp các nhóm đối tượng SV theo trình độ lớp thông qua mẫu độc lập t-Test. Cho thấy rằng tính bình ổn tâm lý, kỷ luật tôn trọng, môi trường đào tạo tích cực, kinh nghiệm chuyên môn, hành vi tập luyện, bài tập tích cực, định hướng mục tiêu và bài tập thể lực tích cực, không có sự khác biệt đáng kể, kết quả thu được $t=1.784$ ($p=0.075$), 1.182 ($p=0.071$), 1.350 ($p=0.178$), 0.014 ($p=0.989$), 1.158 ($p=0.247$), 0.087 ($p=0.930$), 0.100 ($p=0.920$) và 1.242 ($p=0.215$). Đối với trình độ tập luyện đại trà như các lớp quy định hiện tại như một biến kiểm tra tổng thể, giả thuyết nêu rằng không có sự khác biệt đáng kể nào về các giá trị được đánh giá khi nhóm theo trình độ lớp học, giả thuyết này theo đó được chấp nhận cho biến theo nguyên tắc giản tính cá biệt, có nghĩa là đã loại trừ tất cả các trường hợp SV đặc biệt (quá tốt, quá kém hoặc bị ảnh hưởng đến khả năng học tập theo kiểm soát đầu vào của đối tượng nghiên cứu). Do đó, điều này có nghĩa là có một đánh giá tương tự hoặc có thể so sánh được giữa các trình độ lớp học trên tất cả các tham số “+” hoặc tiềm ẩn. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 1. Phân tích so sánh về tính hiệu quả theo mô hình tám yếu tố kiểm tra trình độ Võ thuật Công an Nhân dân theo nhóm lớp học

Nội dung kiểm tra chuyên môn - Mô hình tám yếu tố	Mean		t	p	Diễn giải
	I	II			
Tính bình ổn tâm lý	2.97	3.08	1.784	0.075	Chấp nhận H_0
Kỷ luật, tôn trọng	3.60	3.50	1.182	0.071	Chấp nhận H_0
Môi trường giảng dạy tích cực	3.55	3.47	1.350	0.178	Chấp nhận H_0
Kinh nghiệm chuyên môn	3.36	3.36	0.014	0.989	Chấp nhận H_0
Hành vi tập luyện	3.64	3.58	1.158	0.247	Chấp nhận H_0
Bài tập tích cực	2.44	2.43	0.087	0.930	Chấp nhận H_0
Định hướng mục tiêu	3.25	3.26	0.100	0.920	Chấp nhận H_0
Bài tập thể lực tích cực	3.06	2.98	1.242	0.215	Chấp nhận H_0

Ghi chú: 1.0→1.50: Không hề (tính hiệu quả thấp); 1.51→2.50: Hiếm khi (tính hiệu quả trung bình); 3.51→3.50: Thường xuyên (tính hiệu quả cao); 3.51→4.00: Luôn luôn (tính hiệu quả rất cao).

Bảng 2. Mối quan hệ giữa thành tích kiểm kê chuyên môn (theo mô hình MAI) và thành tích/kết quả học tập tự báo cáo của các đối tượng nghiên cứu

Nội dung kiểm tra chuyên môn - Mô hình tám yếu tố	Thành tích học tập		
	Hệ số tương quan	Sig (2-tailed)	n
Tính bình ổn tâm lý	0.189	<.001*	397

Kỷ luật, tôn trọng	0.192	<.001*	397
Môi trường giảng dạy tích cực	0.293	<.001*	397
Kinh nghiệm chuyên môn	0.263	<.001*	397
Hành vi tập luyện	0.213	<.001*	397
Bài tập tích cực	0.080	<.001*	397
Định hướng mục tiêu	0.219	<.001*	397
Bài tập thể lực tích cực	0.207	<.001*	397

*Tại mức ý nghĩa ở mức $p=0.05$.

Kết quả bảng 2 thể hiện hệ số tương quan giữa mô hình tám yếu tố chuyên môn liên quan đến đặc trưng chuyên môn của VTCAND và thành tích/kết quả học tập tự báo cáo của các SV tham gia nghiên cứu. Mô hình tám yếu tố chuyên môn (gồm: Tính bình ổn tâm lý, kỷ luật tôn trọng, môi trường đào tạo tích cực, kinh nghiệm chuyên môn, hành vi tập luyện, bài tập tích cực, định hướng mục tiêu và bài tập thể lực tích cực) với thành tích/kết quả học tập tự báo cáo của các SV tham gia nghiên cứu được đo lường theo GWA. Kết quả thu được cho thấy 7/8 yếu tố có mối quan hệ đáng kể với thành tích/kết quả học tập tự báo cáo của các SV tham gia nghiên cứu. Bảy yếu tố (gồm: Tính bình ổn tâm lý, kỷ luật tôn trọng, môi trường đào tạo tích cực, kinh nghiệm chuyên môn, hành vi tập luyện, định hướng mục tiêu và bài tập thể lực tích cực) có mối quan hệ đáng kể với kết quả thu được ở mức tương quan r thu được lần lượt = 0.189, 0.192, 0.293, 0.263, 0.213, 0.219 và 0.207 đều tại ngưỡng tin cậy $p < 0.001$. Các giá trị r dương biểu thị mối quan hệ trực tiếp, nghĩa là mức độ nhận thức hoặc quan điểm tự báo cáo của các SV tham gia nghiên cứu càng hướng đến hoặc chú trọng bảy yếu tố này thì thành tích học tập của họ càng cao. Do đó, đối với các biến cụ thể này, giả thuyết vô hiệu, nêu rằng không có mối quan hệ đáng kể nào giữa tám yếu tố của mô hình MAI và thành tích học tập, theo đây bị bác bỏ.

Mặt khác, biến bài tập tích cực (yếu tố giảng dạy) lại không có mối quan hệ đáng kể nào, giá trị $r = 0.080$ tại ngưỡng tin cậy $p = 0.118$. Do đó, đối với biến cụ thể này, giả thuyết vô hiệu, nêu rằng không có mối quan hệ đáng kể nào giữa tám yếu tố của mô hình MAI và thành tích học tập, theo đây được chấp nhận. Các kết quả nêu trên đồng thuận với nghiên cứu của Hillman và cộng sự

(2016), Concerto và cộng sự (2017) khi đều xác nhận rằng có mối liên hệ tích cực giữa hoạt động thể chất cường độ cao và thành tích học tập cao.

III. KẾT LUẬN

Ý nghĩa của nghiên cứu có tiềm năng cung cấp thông tin về các kế hoạch giảng dạy VTCAND hiện hành tại HVANND, đồng thời cung cấp các nhận thức mới cho việc sử dụng các hoạt động thể chất nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho các SV. Dựa trên các kết quả thu được, nghiên cứu xác định các yếu tố cấp thiết cần chú ý như sau:

1) Nâng cao thành công trong học tập thông qua việc giảng dạy, tập luyện VTCAND cần chú trọng quan điểm phát triển tính kỷ luật, môi trường giảng dạy và học tập tích cực, thiết lập các mục tiêu học tập tích cực;

2) Tận dụng động lực tâm lý liên quan đến đặc thù ngành nghề, ưu tiên sự thích hợp của môn học đối với nghiệp vụ tương lai, xây dựng các mục tiêu tích cực cho đối tượng học tập, sau đó tạo môi trường tương tác chuyên môn và phối hợp hướng đến hoàn thành các mục tiêu có tính đồng hành giữa cả hai mối quan hệ giảng viên-SV và SV-SV. Cũng cần thường xuyên tiến hành đánh giá hiệu quả của các yếu tố này thông qua các cơ chế phản hồi để tối ưu hóa trải nghiệm và kết quả của SV.

3) Tận dụng các động lực tâm lý tích cực, ưu tiên sự thích thú và tính gắn gũi trong nghiệp vụ chuyên môn của môn võ CANND, tiếp theo là ý định, tương tác xã hội và tính tự chủ của SV. Liên tục đánh giá tác động của các yếu tố này thông qua cơ chế phản hồi để nâng cao trải nghiệm và kết quả của SV.

4) Nhấn mạnh sự phát triển toàn diện của các chương trình giảng dạy VTCAND bằng cách tích hợp và cân bằng bảy yếu tố đã xác định, xác định các yếu tố có tính ảnh hưởng chung của chúng trong việc nâng cao trải nghiệm cho SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Donnelly J.E., et al (2016). A.N. *Physical Activity, Fitness, Cognitive Function, and Academic Achievement in Children: A Systematic Review*. Med. Sci. Sports Exerc.;48:1197–1222.
2. Delgado-Moreno R., et al (2017). *Combat Stress Decreases Memory of Warfighters in Action*. J. Med. sst. 41:124.
3. E.A. Pierceall, M.C. Keim, (2017). *Stress and coping strategies among community college students*, Community College Journal of Research and Practice, vol. 31, no. 9, pp. 703–71.
4. Felez-Nobrega M., et al (2018). *ActivPal TM determined sedentary behavior, physical activity and academic achievement in college students*. Journal of Sports Sciences, 36(20), 2311-2316.
5. Moore B.; Dudley D.; Woodcock S. (2019). *The effects of martial arts participation on mental and psychosocial health outcomes: A randomised controlled trial of a secondary school-based mental health promotion program*. BMC Psychol. 7, 60.